TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **169/**2020/HC-PT
Ngày 05 tháng 6 năm 2020

V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính thuộc trường hợp cưỡng chế thu hồi đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 298/2017/TLPT-HC ngày 19 tháng 9 năm 2017, về việc: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với trường hợp cưỡng chế thu hồi đất".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 17/2017/HCST ngày 10 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 393/2020/QĐ-PT, ngày 21/4/2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Dương Trọng H, sinh năm: 1956 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 5, phường P, thành phố P – T, tỉnh N.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Lê Cẩm Q, sinh năm 1975 (văn bản ủy quyền ngày 31/5/2017) có mặt.

Địa chỉ: Số 14 đường 33, phường B, Quận 2, Thành phố H.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P – T.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Bùi Văn Phúc – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P – T (có đơn xin xử vắng mặt)

Địa chỉ: 6A đường 21/8, thành phố P – T, tỉnh N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Hoàng – Phó phòng Tài nguyên và Môi trường (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Dương Trọng H và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền ông Lê Cẩm Q trình bày:

Ngày 16/10/2012, UBND thành phố P - T ban hành quyết định số 3035/QĐ-UBND thu hồi đất của hộ ông Dương Trọng H (gọi là ông H) để thực hiện quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố P - T, thu hồi đất vườn ao, trồng cây lâu năm có nhà ở đô thị tại phường Thanh Sơn, thành phố P - T (thuộc thửa đất số 16d tờ bản đồ địa chính số 2) để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố P - T.

Chủ tịch UBND thành phố P - T ban hành Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 về việc cưỡng chế thu hồi đất. Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai. Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 20/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thu hồi đất đai.

Đến thời điểm hiện nay, ông H chưa nhận tiền bồi thường và chưa được nhận hỗ trợ tái định cư của người có đất bị thu hồi. Việc cưỡng chế thu hồi đất là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H, vi phạm pháp luật được quy định tại điểm a khoản 5 Điều 71 của Luật Đất đai 2013 "Về trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế thu hồi đất; Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất, giải quyết khiếu nại liên quan đến việc cưỡng chế theo quy định của pháp luật về khiếu nại; thực hiện phương án tái định cư trước khi cưỡng chế".

Đồng thời việc thực hiện Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố P - T vi phạm nghiêm trọng được quy định tại các Điều 30, Khoản 1 Điều 32, điểm a, khoản 5, Điều 71 và Điều 83 của Luật đất đai năm 2013; Điều 13 Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Điều 19, Điều 20, Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Vì vậy, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh N giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố P - T về việc cưỡng chế thu hồi đất;

- Buộc UBND thành phố P - T bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất ở đô thị đúng quy định pháp luật của thời điểm 2016.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND Thành phố P – T trình bày:

Chủ tịch UBND thành phố P - T ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1445/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Dương Trọng H (gọi là ông H), theo trình tự sau:

Thứ nhất, về Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Điểm d, Khoản 3, Điều 69 Luật đất đai 2013 quy định như sau: "Trường hợp người có đất thu hồi không bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thu hồi và tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổ chức vận động, thuyết phục để người có đất thu hồi thực hiện.

Trường hợp người có đất thu hồi đã được vận động, thuyết phục nhưng không chấp hành việc bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức thực hiện việc cưỡng chế theo quy định tại Điều 71 của Luật này."

Căn cứ Khoản 2, Điều 71, Luật đất đai 2013 quy định như sau: "Cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Người có đất thu hồi không chấp hành quyết định thu hồi đất sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thu hồi và tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đã vận động, thuyết phục;

b) Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đã được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi;

c) Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đã có hiệu lực thi hành;

d) Người bị cưỡng chế đã nhận được quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất có hiệu lực thi hành.

Trường hợp người bị cưỡng chế từ chối không nhận quyết định cưỡng chế hoặc vắng mặt khi giao quyết định cưỡng chế thì Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản".

Thứ hai, về trình tự thực hiện:

Ngày 16/10/2012, UBND thành phố P - T đã ban Quyết định số 3035/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 về việc thu hồi đất của hộ ông H sử dụng tại phường Thanh Sơn để bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố P - T (Khu K1) (Thu hồi thửa đất số 16d, tờ bản đồ địa chính số 2, diện tích 262 m^2 phường Thanh Sơn)

Sau khi ban hành Quyết định thu hồi và triển khai quyết định đến hộ ông H, Trung tâm phát triển quỹ đất Ninh Thuận phối hợp với các đơn vị có liên quan, UBND phường Thanh Sơn, Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam phường Thanh Sơn đã tiến hành mời hộ ông H đến để vận động nhiều lần nhưng hộ ông H không đồng ý bàn giao mặt bằng hoặc vắng mặt không lý do.

Trên cơ sở đề nghị của Trung tâm phát triển quỹ đất Ninh Thuận tại Văn bản số 2307/TTPTQĐ – BTGMB ngày 24/12/2015 về việc đề nghị cưỡng chế các hộ để thực hiện quyết định thu hồi đất tại dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố P - T (Khu K1); Sau khi phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố thẩm định hồ sơ, quá trình thu hồi bồi thường, quá trình mời vận động của hộ ông H và Báo cáo số 29/BC-UBND ngày 15/3/2016 của UBND phường Thanh Sơn về việc vận động hộ ông H bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố (Khu K1), đã có đề nghị tại Tờ trình số 684/TTr-TNMT ngày 25/5/2016, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 1445/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông H vào ngày 26/5/2016.

Như vậy, Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất theo quy định của pháp luật tại các Điều 69, Điều 71 Luật đất đai 2013.

Việc hộ ông H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố P - T là không có căn cứ để chấp nhận.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 17/2017/HC-ST ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh N đã quyết định:

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 164, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206, Điều 213 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 69, Điều 71 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Trọng H về việc:

- Hủy quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố P - T về việc cưỡng chế thu hồi đất;

- Buộc UBND thành phố P - T bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất ở đô thị đúng quy định pháp luật của thời điểm 2016.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 24/8/2017, ông H kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu sửa án sơ thẩm, hủy Quyết định thu hồi đất số 3035/QĐ-UBND ngày 16/10/2012, Quyết định bồi thường hỗ trợ tái định cư số 3066/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 và Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1445/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố P- T; buộc UBND thành phố P- T thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định pháp luật hiện hành.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của ông H thay đổi nội dung đơn kháng cáo, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại với lý do: Ông H ở tại địa chỉ 184 đường Thống Nhất, phường P, thành phố P – T nhưng Ủy ban giao các quyết định tại phường Thanh Sơn nên ông H chưa nhận được các quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Người bảo vệ quyền lợi cho Chủ tịch UBND thành phố P – T cho rằng đất bị thu hồi của ông H tọa lạc tại phường Thanh Sơn, các anh chị em của ông H có nhiều thửa đất bị thu hồi, nằm liền kề nhau cho nên các quyết định đều giao cho bà Dương Thị Trang là chị của ông Dương Trọng H; sau đó, ông H có làm việc,

không đồng ý việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nên không chịu nhận tiền, từ đó có căn cứ thể hiện ông H đã biết các quyết định thu hồi, bồi thường đất; đề nghị bác đơn kháng cáo của ông H, y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng đây là dự án đã thu hồi, bồi thường, hỗ trợ cho rất nhiều hộ, đã giải quyết chung đúng quy định, nay người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cho rằng chưa giao quyết định cho ông H, yêu cầu hủy án sơ thẩm, giải quyết lại cũng không làm thay đổi nội dung vụ án, nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì thấy:

- Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của ông H hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Theo đơn khởi kiện của ông H, cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ hành chính về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc trường hợp cưỡng chế thu hồi đất" là đúng quan hệ tranh chấp; đối tượng khởi kiện là Quyết định hành chính số 1445/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P- T về cưỡng chế thu hồi đất, còn trong thời hiệu khởi kiện, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh N là đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2]. Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P - T: Ủy ban nhân dân thành phố P- T, tỉnh N đã ban hành Quyết định thu hồi đất số 3035/QĐ-UBND ngày 16/10/2012; Quyết định số 3066/QĐ-UBND ngày 16/10/2012, Quyết định số 3189/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông H. Trong năm 2015, Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp với UBND thành phố P - T và UBND phường Thanh Sơn, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường Thanh Sơn nhiều lần mời ông H đến để nhận tiền bồi thường và vận động bàn giao mặt bằng nhưng hộ ông H vẫn không đồng ý nhận tiền và không chấp hành bàn giao mặt bằng (BL: 32 đến 47). Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P - T ban hành Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày

26/5/2016 về việc: Cưỡng chế thu hồi đất của hộ ông H là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 71 Luật đất đai năm 2013.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của ông H yêu cầu hủy án sơ thẩm với lý do ông H chưa nhận Quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư vì ông H ở tại phường P nhưng Ủy ban lại giao các Quyết định nói trên cho bà Trang tại phường Thanh Sơn. Tuy nhiên, theo tài liệu có trong hồ sơ thì địa phương đã nhiều lần mời và làm việc, ông H biết nội dung các Quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đã làm việc với địa phương nhưng không đồng ý nhận tiền bồi thường và giao đất cho UBND thành phố P – T thực hiện dự án. Do đó, người đại diện của người khởi kiện yêu cầu hủy án sơ thẩm với lý do ông H chưa nhận các Quyết định là không có căn cứ.

[4]. Về tính có căn cứ của Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P - T được thể hiện như sau: Dự án quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố P- T, tỉnh N (khu K1) được UBND nhân dân tỉnh N chấp thuận, nhằm mục đích chỉnh trang đô thị và phát triển kinh tế của tỉnh N. Ủy ban nhân dân thành phố P- T, tỉnh N đã ban hành Quyết định thu hồi đất số 3035/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 và các quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo các Quyết định số 3066/QĐ-UBND ngày 16/10/2012, Quyết định số 3189/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 là đúng quy định tại khoản 1 Điều 38, Điều 39 Luật đất đai năm 2003.

Dự án này được triển khai thực hiện trong năm 2012 và Ủy ban nhân dân thành phố P- T, tỉnh N đã ban hành Quyết định thu hồi đất và các quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cũng trong năm 2012 nên căn cứ những quy định của Luật đất đai năm 2003 và Văn bản hướng dẫn thực hiện Luật đất đai năm 2003, để giải quyết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông H là đúng pháp luật.

Việc ông H không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không phải lỗi của các Cơ quan hành chính của thành phố P - T. Ông H không bàn giao đất để Ủy ban nhân dân thành phố P - T thực hiện dự án của tỉnh N, vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P - T ban hành Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 về việc: "Cưỡng chế thu hồi đất" đối với hộ ông H là đúng pháp luật. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của ông H là có căn cứ.

[5]. Đại diện theo ủy quyền của ông H là người kháng cáo, không đưa ra được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, không có căn cứ để bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo giá đất thị trường hiện nay nên

yêu cầu của ông H về việc đề nghị hủy Quyết định thu hồi đất số 3035/QĐ-UBND ngày 16/10/2012, Quyết định bồi thường hỗ trợ tái định cư số 3066/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của UBND thành phố P- T và Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P - T là không có căn cứ, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Ông Dương Trọng H được miễn án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm vì thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cho nên cần sửa bản án sơ thẩm về án phí.

Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Dương Trọng H; sửa bản án sơ thẩm về án phí.

Căn cứ khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015. Căn cứ tại khoản 1 Điều 38, Điều 39 Luật đất đai năm 2003; khoản 3 Điều 71 Luật đất đai năm 2013. Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Trọng H về việc:

- Hủy quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố P – T về việc cưỡng chế thu hồi đất;

- Buộc UBND thành phố P – T bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất ở đô thị đúng quy định pháp luật của thời điểm 2016.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Dương Trọng H được miễn. Hoàn trả cho ông Dương Trọng H số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012218 ngày 29/3/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh N.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Dương Trọng H được miễn. Hoàn trả cho ông Dương Trọng H số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013813 ngày 06/9/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh N.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 05/6/2020./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- Cục THADS tỉnh N;
- Đương sự (3);
- Lưu VP (6), HS (1) PTHH-15.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Ý